

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2019.

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Sỹ Quyền.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Đ - SN 1971

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Phi L - SN 1958

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh T

Tại phiên tòa vắng mặt chị Đ, anh L (chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:***

**- Về hôn nhân:** Chị và anh Nguyễn Phi L kết hôn với nhau trên cơ sở rõ giá cấp lại. Không tổ chức cưới, chỉ liên hoan hai bên gia đình nội ngoại, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 10/02/2017.

Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mặt khác, anh L còn thường xuyên đe dọa giết mẹ con chị. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nhất từ tháng 9/2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- *Về con cái*: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Thu thập chứng cứ tại địa phương*: Anh Nguyễn Phi L và chị Nguyễn Thị Đ tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q ngày 10/02/2017. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn anh L, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh L. Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là không tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Phi L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa. Chị Đ xin ly hôn anh L tại Tòa án. Đây là quan hệ về tranh chấp “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Đ và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở rõ ràng rạch ròi, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 10/02/2017 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Đ là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mặt khác anh L thường xuyên đe dọa giết mẹ con chị, chị và anh L không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh L nhiều lần, tuy nhiên, anh L đều vắng mặt không có lý do; Chứng tỏ rằng anh L không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Đ. Xét thấy tình cảm giữa vợ chồng anh, chị là trầm trọng, anh, chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ.

[3]*Về con cái*: Anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2916/ UBTVQH14.

**Xử:**

1.*Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Phi L.

2.*Về con chung*: Anh, chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

3.*Về tài sản và công nợ*: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

4.*Về án phí*: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 2116 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm,

Chị Đ, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Q, Huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Lý**